

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-5-2018  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Văn Nhung
2. Ông Nguyễn Hiếu Trọn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ánh Đ, sinh năm 1993; thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 28A/60A khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; thường trú: Thôn D, xã X, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số 28A/60A khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

*Người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số 28A/60A khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh Đ và anh Nguyễn Văn L tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 17/2011 quyển số 01/2011 ngày 17/6/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại 28A/60A khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh L không chăm lo gia đình thường xuyên cùng bạn bè uống rượu, bia; không tôn trọng chị Đ và gia đình chị. Khi chị Đ khuyên nhủ thì vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị Đ và anh L không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Ánh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nghĩa vụ chung: Chị Bùi Thị Ánh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 13/3/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày của chị Bùi Thị Ánh Đ về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa tháng 10/2017 do anh L uống bia bị say nên có chửi, mắng chị Đ, xúc phạm gia đình chị; chị Đ giận nên đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh L có đến xin lỗi chị Đ để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Đ không đồng ý. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên chị Đ quyết định ly hôn và không muốn quay về chung sống cùng anh nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh L không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng.

Về nội dung vụ án, tại phiên tòa bị đơn đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ánh Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh Đ và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 17/6/2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Bùi Thị Ánh Đ và anh Nguyễn Văn L đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2017. Chị Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh L không chăm lo gia đình, không tôn trọng chị. Anh L thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vào giữa tháng 10/2017 do anh L uống bia bị say nên có chửi chị Đ, xúc phạm gia đình chị làm chị Đ giận và chuyển ra ngoài sinh sống. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng chị Đ đã quyết định ly hôn và không muốn đoàn tụ cùng anh nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ánh Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2011 quyền số 01/2011 ngày 17/6/2011 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp).

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ánh Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018920 ngày 07/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã X (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Liếng**

